

## **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

*(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-ĐHPT ngày tháng năm 20  
của Trường Đại học Phan Thiết)*

### **A. Thông tin tổng quát (General information)**

1. Tên chương trình tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Tiếng Anh Thương mại
2. Tên chương trình tiếng Anh: English Language – Business English
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Ngành đào tạo tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh
5. Ngành đào tạo tiếng Anh: English Language
6. Mã ngành: 7220201
7. Thời gian đào tạo: 3.5 năm
8. Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
9. Số tín chỉ: 135 (không bao gồm hp GDTC, GDQP)
10. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân/Đại học
11. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh, Tiếng Việt, Tiếng Trung hoặc Tiếng Nga (ngoại ngữ 2)

### **B. Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra (Program Objectives and Learning Outcomes)**

#### **1. Mục tiêu đào tạo (Program Objectives)**

##### **1.1. Mục tiêu chung**

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức tổng hợp về kinh tế - xã hội, kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh, phẩm chất đạo đức tốt, năng động và thích ứng với yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực tiếng Anh thương mại.

##### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

###### **1.2.1. Về kiến thức:**

PO1. Kiến thức lý luận chính trị cơ bản, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên.

PO2. Kiến thức chung về Ngôn ngữ học bao gồm Âm vị học, Hình vị học, Cú

pháp, Ngữ nghĩa học; kiến thức cơ bản về kinh tế học, giao dịch thương mại quốc tế, tiếng Anh chuyên ngành sử dụng trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, biên, phiên dịch thương mại, văn hóa và sự giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Anh.

### **1.2.2. Về kỹ năng**

PO3. Đạt chuẩn đầu ra bậc 5 Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc tương đương cấp độ C1 Khung Năng lực Châu Âu đối với ngoại ngữ Anh

PO4. Đạt chuẩn đầu ra bậc 2 Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam hoặc tương đương A2 Khung Năng lực Châu Âu đối với ngoại ngữ khác theo yêu cầu ngoại ngữ 2.

PO5. Khám phá, khai thác và thực hành sử dụng các công nghệ hữu ích phục vụ việc sử dụng, nghiên cứu và tác nghiệp bằng ngoại ngữ.

### **1.2.3. Về thái độ**

PO6. Thể hiện nhận thức đúng đắn, thái độ, đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, nghiêm túc, trung thực, ý thức trách nhiệm cao, có ý chí quyết tâm, vượt khó, sẵn sàng thích nghi với những thay đổi của môi trường làm việc, chủ động lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp của bản thân.

PO7. Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời.

### **1.2.4. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp**

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh – Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại có thể:

#### ***Làm việc phù hợp và tốt tại các bộ phận sau của các tổ chức, doanh nghiệp:***

- Bộ phận xuất nhập khẩu, đối ngoại, hợp tác nước ngoài ... của doanh nghiệp.
- Bộ phận biên, phiên dịch của các tổ chức, trường học, doanh nghiệp.
- Bộ phận đào tạo tiếng Anh của các trung tâm tiếng Anh, cơ sở đào tạo có đào tạo tiếng Anh.
- Bộ phận soạn thảo, trả lời thư tín thương mại, hợp đồng thương mại bằng tiếng Anh.
- Bộ phận lễ tân, đặt phòng trong các khách sạn lớn thường xuyên có khách nước ngoài.
- Văn phòng của các tổ chức, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Anh.

#### ***Làm việc phù hợp tại các loại hình tổ chức, doanh nghiệp:***

- Các tổ chức, doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, tư nhân, các tổ chức quốc tế có

sử dụng tiếng Anh.

- Các công ty dịch thuật, xuất nhập khẩu ...
- Các Cục, Vụ hợp tác nước ngoài/ quốc tế/ đối ngoại, sở ngoại vụ ....
- Các cơ sở đào tạo cao đẳng, các trường đại học, học viện, trung tâm ngoại ngữ.
- Các viện nghiên cứu về ngôn ngữ; tạp chí, nhà xuất bản ....

### **1.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Có khả năng và trình độ để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các bậc học cao hơn theo các chuyên ngành: Tiếng Anh thương mại, Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ học tiếng Anh và các chuyên ngành liên quan.

## **2. Chuẩn đầu ra (Program learning outcomes)**

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Nhóm CDR
PLO1	Hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và Quốc phòng – An ninh	Kiến thức
PLO2	Hiểu và vận dụng được những kiến thức, kỹ năng tiếng Anh trong giao tiếp và trong học thuật (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tương đương trình độ C1 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngoại ngữ. Kiến thức chung về Ngôn ngữ học bao gồm Âm vị học, Hình vị học, Cú pháp, Ngữ nghĩa học; kiến thức cơ bản về kinh tế học, giao dịch thương mại quốc tế, tiếng Anh chuyên ngành sử dụng trong lĩnh vực kinh tế, thương mại, biên, phiên dịch thương mại, văn hóa và sự giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Anh.	
PLO3	Biết, hiểu những khái niệm, bản chất của ngôn ngữ và một số vấn đề liên quan đến ngôn ngữ; phân tích, nhận diện các đơn vị, các bộ phận của ngôn ngữ Anh.	
PLO4	Hiểu và vận dụng được những kiến thức về văn học, văn hóa, giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; so sánh, đối chiếu những hành vi, giá trị, tín ngưỡng, quan niệm sống giữa nhiều nền văn hóa khác nhau	
PLO5	Hiểu biết và vận dụng được hệ thống thuật ngữ tiếng Anh dùng trong lĩnh vực thương mại	
PLO6	Kỹ năng thực hành tiếng Anh và kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề liên quan tới chuyên ngành về thương mại	Kỹ năng
PLO7	Sử dụng được tiếng Trung trong giao tiếp tương đương trình	

	độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngoại ngữ	
PLO8	Kỹ năng tự chủ, độc lập trong hoạch định kế hoạch và lập các thời gian biểu hợp lý cho công việc, phân theo các kế hoạch ngắn, trung, dài hạn để đạt mục tiêu đã định; Phát triển các kỹ năng mềm cá nhân	
PLO9	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề	
PLO10	Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; nhiệt tình, say mê sáng tạo; Có tinh thần học hỏi và hiểu biết về văn hóa, lịch sử; Can đảm, quyết đoán và hành động chín chắn trong mọi hoàn cảnh.	Mức tự chủ và trách nhiệm
PLO11	Ứng xử, giao tiếp và làm việc nhóm một cách hiệu quả	
PLO12	Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời	
PLO13	Tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp, Thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực ngoại ngữ là tiếng Anh và tiếng Trung	

### 3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 135 tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

### 4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

#### 5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Nhà trường.

#### 5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 14 Quy chế đào tạo trình độ đại học đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Nhà trường:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc

không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên.
- Đạt điểm rèn luyện từ 5.0 trở lên (tối thiểu xếp loại trung bình/ toàn khóa học)
- Có chứng chỉ Tin học cơ bản và Tin học nâng cao do Trung tâm phát triển nguồn nhân lực trường Đại học Phan Thiết cấp.
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh
- Có chứng chỉ Kỹ năng mềm do Trung tâm phát triển nguồn nhân lực trường Đại học Phan Thiết cấp
- Có điểm trung bình học phần Giáo dục thể chất 1 và Giáo dục thể chất 2  $\geq 5.0$  điểm (tính theo thang điểm hệ số 10)

Tham gia hoạt động cộng đồng theo quy định của Nhà trường (15 ngày công ích)

## 6. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường.

## 7. Nội dung chương trình

TT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Môn tiên quyết (nếu có)
			TC	LT	TH/TT	
<b>7.1 Kiến thức giáo dục đại cương</b>						
<b>7.1.1. Lý luận chính trị</b>			<b>11</b>			
1	Triết học Mác- Lênin Marxist-Leninist philosophy	190441	3	2	1	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Marxist - Leninist political economy	190117	2	2		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Science socialism	190014	2	2		
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	190152	2	2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	190443	2	2		
<b>7.2 Kiến thức khoa học cơ bản</b>						
<b>7.2.1. Khoa học xã hội</b>			<b>3</b>			
6	Tin học cơ bản	200026	3	1	2	

	Basic Informatics					
	<b>7.2.2. Ngoại ngữ</b>		<b>9</b>			
7	Tiếng Trung 1 Chinese 1	190424	3	2	1	
8	Tiếng Trung 2 Chinese 2	190425	3	2	1	
9	Tiếng Trung 3 Chinese 3	190426	3	2	1	
10	Tiếng Nga 1 Russian 1	190414	3	2	1	
11	Tiếng Nga 2 Russian 1	190415	3	2	1	
12	Tiếng Nga 3 Russian 1	190416	3	2	1	
	<b>7.2.3. Giáo dục Thể chất</b>		<b>3</b>		<b>3</b>	
13	Giáo dục Thể chất 1 Physical Education 1	190060	2		2	
14	Giáo dục Thể chất 2 Physical Education 2	190061	1		1	
	<i>Chọn 1 trong các học phần sau:</i>					
	Thể dục nhịp điệu					
	Bóng chuyền					
	Bóng đá					
	<b>7.2.4. Giáo dục Quốc phòng - An ninh</b>		<b>8</b>		<b>8</b>	
15	Giáo dục Quốc phòng Military and Defense Education	190059	8		8	
<b>7.3. Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành</b>						
	<b>7.3.1. Kiến thức cơ sở của ngành</b>		<b>55</b>			
16	Nghe- Nói 1 Listening- Speaking 1	220110	4	2	2	
17	Nghe- Nói 2 Listening- Speaking 2	220111	4	2	2	
18	Nghe- Nói 3 Listening- Speaking 3	220112	4	2	2	
19	Nghe- Nói 4 Listening- Speaking 4	220113	4	2	2	

20	Nghe- Nói 5 Listening- Speaking 5	220114	4	2	2	
21	Nghệ thuật nói trước công chúng Public Speaking	200700	2	1	1	
22	Đọc 1 Reading 1	200001	3	2	1	
23	Đọc 2 Reading 2	190051	3	2	1	
24	Đọc 3 Reading 3	190052	3	2	1	
25	Viết 1 Writing 1	190456	3	2	1	
26	Viết 2 Writing 2	190457	3	2	1	
27	Viết 3 Writing 3	190458	3	2	1	
28	Viết 4 Writing 4	200704	3	2	1	
29	Thực hành luyện âm Practice of Pronunciation	200023	3	1	2	
30	Ngữ pháp 1 Grammar 1	200015	3	2	1	
31	Ngữ Pháp 2 Grammar 2	190237	3	2	1	
32	Ngữ pháp 3 Grammar 3	190238	3	2	1	
	<b>7.3.2. Kiến thức ngành và chuyên sâu:</b>		<b>44</b>			
	<b>7.3.2.1. Kiến thức chung:</b>		<b>14</b>			
33	Dẫn luận ngôn ngữ học An introduction to linguistics	190035	2	2		
34	Tiếng việt thực hành Vietnamese Practice	190428	2	1	1	
35	Văn hóa Anh - Mỹ British-American Cultures	200701	2	1	1	
36	Văn học Anh - Mỹ British-American Literature	200708	2	1	1	
37	Âm vị học Phonology	200702	2	1	1	

38	Cú pháp Syntax	190030	2	1	1	
39	Ngữ nghĩa học Semantics	200718	2	1	1	
	<b>7.3.2.2 Kiến thức chuyên ngành:</b>		<b>30</b>			
40	Marketing căn bản Principles of Marketing	200013	3	2	1	
41	Quản trị học Managing school subjects	200020	3	2	1	
42	Kỹ năng làm việc văn phòng Skills for working in the office	220126	2	1	1	
43	Tiếng Anh thương mại sơ cấp Basic Business English	220139	3	2	1	
44	Kỹ năng quản trị Administrative Skills	220127	3	2	1	
45	Giao tiếp trong kinh doanh Business communication	220121	2	1	1	
46	Tiếng Anh thương mại trung cấp Intermediate Business English	220140	3	2	1	
47	Thư tín-Hợp đồng thương mại Correspondence-Commercial contracts	220131	2	1	1	
48	Tiếng Anh thương mại nâng cao Advanced Business English	220138	3	2	1	
49	Biên dịch English - Vietnamese Translation	220119	3	1	2	
50	Phiên dịch English - Vietnamese Interpretation	220147	3	1	2	
<b>7.4. Kiến thức thực tập và trải nghiệm</b>						
	<b>7.4.1. Kiến tập</b>		<b>2</b>		<b>2</b>	
51	Kiến tập chuyên ngành Thương mại Internship	220125	2		2	
	<b>7.4.2. Thực tập &amp; KLTN (hoặc học môn thay thế)</b>		<b>9</b>	<b>9</b>		
52	Khoá luận tốt nghiệp Graduation Thesis	200057	9	9		
	<b>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>		9			
53	Tiếng Anh thực hành	190399	3	1	2	

	English practice					
54	Thực tập tốt nghiệp Graduation Internship	190360	6	1	5	
<b>7.5. Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác</b>						
55	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research method	190270	2	2		
<b>Tổng cộng</b>			<b>146</b>			

Ghi chú: TC: tín chỉ

LT: Lý thuyết

TH/TT: Thực hành/thực tập

## 8. Kế hoạch giảng dạy

Các môn Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng đào tạo theo kế hoạch chung của Trường.

TT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
<b>HỌC KỲ 1</b>			<b>15</b>			
1	Thực hành luyện âm	200023	3	1	2	
2	Ngữ Pháp 1	200015	3	2	1	
3	Nghe-Nói 1	220110	4	2	2	
4	Đọc 1	200001	3	2	1	
5	Dẫn luận ngôn ngữ học	190035	2	2		
<b>HỌC KỲ 2</b>			<b>15</b>			
1	Viết 1	190456	3	2	1	
2	Nghe- Nói 2	220111	4	2	2	
3	Đọc 2	190051	3	2	1	
4	Giáo Dục Thể Chất 1 *	190060	2		2	
5	Tin Học Căn Bản	200026	3	1	2	
<b>HỌC KỲ 3</b>			<b>14</b>			
1	Ngữ Pháp 2	190237	3	2	1	
2	Nghe- Nói 3	220112	4	2	2	
3	Viết 2	190457	3	2	1	
4	Triết Học Mác – Lê nin	190441	3	2	1	

5	Giáo Dục Thể Chất 2 *	190061	1	1		
<b>HỌC KỲ 4</b>			<b>15</b>			
1	Nghe- Nói 4	220113	4	2	2	
2	Đọc 3	190052	3	2	1	
3	Viết 3	190458	3	2	1	
4	Ngữ Pháp 3	190238	3	2	1	
5	Nghệ thuật nói trước công chúng (Public Speaking)	200700	2	1	1	
<b>HỌC KỲ 5</b>			<b>18</b>			
<b>Học phần bắt buộc</b>						
1	Nghe-Nói 5	220114	4	2	2	
2	Tiếng Việt Thực hành	190428	2	1	1	
3	Âm vị học (Phonology)	200702	2	1	1	
4	Marketing căn bản	200013	3	2	1	
5	Văn hóa Anh - Mỹ	200701	2	1	1	
6	Kiến tập chuyên ngành Thương mại	220125	2		2	
<b>Học phần tự chọn</b>						
7	Tiếng Trung 1	190424	3	2	1	
8	Tiếng Nga 1	190414	3	2	1	
<b>HỌC KỲ 6</b>			<b>17</b>			
<b>Học phần bắt buộc</b>						
1	Cú pháp	190030	2	2		
2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh *	190059	8		8	
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	190117	2	2		
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	190270	2	2		
<b>Học phần tự chọn</b>						
5	Tiếng Trung 2	190425	3	2	1	
6	Tiếng Nga 2	190415	3	2	1	
<b>HỌC KỲ 7</b>			<b>15</b>			
<b>Học phần bắt buộc</b>						
1	Quản trị học	200020	3	2	1	
2	Kỹ năng làm việc văn phòng	220126	2	1	1	
3	Tiếng Anh thương mại sơ cấp	220139	3	2	1	

4	Ngữ nghĩa học	200718	2	2		
5	Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học	190014	2	2		
<b>Học phần tự chọn</b>						
6	Tiếng Trung 3	190426	3	1	2	
7	Tiếng Nga 3	190416	3	1	2	
<b>HỌC KỲ 8</b>			<b>16</b>			
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	190443	2	2		
2	Biên dịch	200709	3	1	2	
3	Phiên dịch	200710	3	1	2	
4	Kỹ năng quản trị	220127	3	2	1	
5	Giao tiếp trong kinh doanh	220121	2	1	1	
6	Tiếng Anh thương mại trung cấp	220140	3	2	1	
<b>HỌC KỲ 9</b>			<b>12</b>			
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	190152	2	2		
2	Viết nâng cao	220146	3		3	
3	Văn học Anh-Mỹ	200708	2	1	1	
4	Thư tín-Hợp đồng thương mại	220131	2	1	1	
5	Tiếng Anh thương mại nâng cao	220138	3	2	1	
<b>HỌC KỲ 10</b>			<b>9</b>			
<i>Chọn 1 trong 2 hình thức tốt nghiệp</i>						
1	Khoá luận tốt nghiệp	200057	9	9		
2	Môn học thay thế		9			
	Tiếng Anh thực hành	190399	3	1	2	
	Thực tập tốt nghiệp	190360	6	1	5	
<b>Tổng cộng</b>			<b>146</b>			

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

### 9.1. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý:

- Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần qui định các môn học tiên quyết của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo.

- Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng.

- Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phần kiến thức tự chọn, hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

- Ngoài ra chương trình có môn học Kiến tập nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế doanh nghiệp từ năm thứ 2, sẽ triển khai vào học kỳ 5 của khóa học, sinh viên đến kiến tập tại doanh nghiệp.

- Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên qui định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết.

- Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

## **9.2. Định hướng phương pháp dạy học**

- Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;

- Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học.

## **9.3. Định hướng đánh giá**

- Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp.

- Môn Kiến tập, Kỹ năng học tập và các môn học chuyên đề Kỹ năng được đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10, được tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

- Tổ chức thi kết thúc môn học theo hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.

- Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy chế hiện hành của Nhà trường.

#### 9.4. Tốt nghiệp

Ngoài môn thực tập tốt nghiệp, sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn học tích lũy thay thế khóa luận theo quy định của Khoa, cụ thể:

##### 9.4.1. Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) Điều kiện làm KLTN:

Dựa theo Điều 15 Chương III của quyết định 215/QĐ-ĐHPT ngày 15/06/2021 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường Đại học Phan Thiết.

##### 9.4.2. Tốt nghiệp với các môn học thay thế KLTN:

Đối với các học phần tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên có thể tích lũy dần dần ở các học kỳ.

Sinh viên có thể đăng ký các môn học thay thế KLTN trước khi thực tập tốt nghiệp.

#### 10. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra

(Bảng mẫu ví dụ minh họa)

CDR (PLO)	Nội dung	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO1	Hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và Quốc phòng – An ninh	X					X	X
PLO2	Hiểu và vận dụng được những kiến thức, kỹ năng tiếng Anh trong giao tiếp và trong học thuật (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tương đương trình độ C1 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngoại ngữ. Kiến thức chung về Ngôn ngữ học bao gồm Âm vị học, Hình vị học, Cú pháp, Ngữ nghĩa học; kiến thức cơ bản về kinh tế học, giao dịch thương mại quốc tế, tiếng Anh chuyên ngành sử dụng trong lĩnh vực kinh tế, thương mại,		X	X		X		X

	biên, phiên dịch thương mại, văn hóa và sự giao thoa văn hóa các nước nói tiếng Anh.							
<b>PLO3</b>	Biết, hiểu những khái niệm, bản chất của ngôn ngữ và một số vấn đề liên quan đến ngôn ngữ; phân tích, nhận diện các đơn vị, các bộ phận của ngôn ngữ Anh.		X				X	X
<b>PLO4</b>	Hiểu và vận dụng được những kiến thức về văn học, văn hóa, giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; so sánh, đối chiếu những hành vi, giá trị, tín ngưỡng, quan niệm sống giữa nhiều nền văn hóa khác nhau		X				X	X
<b>PLO5</b>	Hiểu biết và vận dụng được hệ thống thuật ngữ tiếng Anh dùng trong lĩnh vực thương mại		X	X			X	X
<b>PLO6</b>	Kỹ năng thực hành tiếng Anh và kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề liên quan tới chuyên ngành về thương mại					X	X	X
<b>PLO7</b>	Sử dụng được tiếng Trung trong giao tiếp tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngoại ngữ				X		X	X
<b>PLO8</b>	Kỹ năng tự chủ, độc lập trong hoạch định kế hoạch và lập các thời gian biểu hợp lý cho công việc, phân theo các kế hoạch ngắn, trung, dài hạn để đạt					X	X	X

	mục tiêu đã định; Phát triển các kỹ năng mềm cá nhân							
<b>PLO9</b>	Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề					X	X	X
<b>PLO10</b>	Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; nhiệt tình, say mê sáng tạo; Có tinh thần học hỏi và hiểu biết về văn hóa, lịch sử; Can đảm, quyết đoán và hành động chín chắn trong mọi hoàn cảnh.			X	X	X	X	X
<b>PLO11</b>	Ứng xử, giao tiếp và làm việc nhóm một cách hiệu quả					X	X	X
<b>PLO12</b>	Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời						X	X
<b>PLO13</b>	Tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp, Thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực ngoại ngữ là tiếng Anh và tiếng Trung			X	X		X	X

### 11. Mối liên hệ giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra

	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13
Triết học Mác – Lênin	R										R	R	
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	R										R	R	
Chủ nghĩa xã hội khoa học	R										R	R	
Tư tưởng Hồ Chí Minh	R										R	R	
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	R										R	R	
Tin học căn bản									R			R	
Phương pháp nghiên cứu khoa học												I	I
Tiếng Trung 1							R		R		R	R	

Tiếng Trung 2							R		R		R	R	
Tiếng Trung 3							R		R		R	R	
Tiếng Nga 1							R		R		R	R	
Tiếng Nga 2							R		R		R	R	
Tiếng Nga 3							R		R		R	R	
Giáo dục Thể chất 1	R												
Giáo dục Thể chất 2	R												
Giáo dục An ninh – quốc phòng	R												
Nghe - Nói 1		M	M			M			R		R	R	
Nghe - Nói 2		M	M			M			R		R	R	
Nghe - Nói 3		M	M			M			R		R	R	
Nghe - Nói 4		M	M			M			R		R	R	
Nghe - Nói 5		M	M			M			R		R	R	
Nghệ thuật nói trước công chúng		M	M			M			R		R	R	

Đọc 1		M	M			M			R		R	R	
Đọc 2		M	M			M			R		R	R	
Đọc 3		M	M			M			R		R	R	
Viết 1		M	M			M			R		R	R	
Viết 2		M	M			M			R		R	R	
Viết 3		M	M			M			R		R	R	
Viết nâng cao		M	M			M			R		R	R	
Thực hành luyện âm		M	M			M			R		R	R	
Ngữ pháp 1		M	R			M			R		R	R	
Ngữ pháp 2		M	R			M			R		R	R	
Ngữ pháp 3		M	R			M			R		R	R	
Dẫn luận ngôn ngữ học		R	M						R		R	R	
Tiếng Việt thực hành		R	M						R		R	R	
Văn học Anh - Mỹ		M		M							R		
Văn hóa Anh - Mỹ		M		M							R		
Âm vị học		M	M					R	R	R	R	R	

Cú pháp học		M	M					R	R	R	R	R	
Ngữ nghĩa học		M	M					R	R	R	R	R	
Marketing căn bản			M	M		M	M			R	R	R	R
Kiến tập chuyên ngành thương mại												I	I
Quản trị học		M	M		M	M			R	R	R	R	
Kỹ năng làm việc văn phòng		M	M		M	M			R	R	R	R	R
Tiếng Anh thương mại sơ cấp		M	M		M	M			R	R	R	R	
Kỹ năng quản trị		M	M		M	M			R	R	R	R	R
Giao tiếp trong kinh doanh		M	M		M	M			R	R	R	R	R
Tiếng Anh thương mại trung cấp		M	M		M	M			R	R	R	R	

Thư tín- Hợp đồng thương mại		M	M		M	M				R	R	R	R	R
Tiếng Anh thương mại nâng cao		M	M		M	M				R	R	R	R	
Biên dịch			M		M	M				R	R	R	R	
Phiên dịch			M		M	M				R	R	R	R	
Khoá luận tốt nghệ pháp	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
Tiếng Anh thực hành	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
Thực tập tốt nghệ pháp	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M

*Ghi chú: M (Master), R (Reinforced), I (Introduction)*

## 12. Ma trận đối sánh CDR CTĐT theo khung trình độ quốc gia bậc Đại học (Đánh dấu X vào ô có liên quan)

CDR theo khung trình độ QG  CDR	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCTN 1	TCTN 2	TCTN 3	TCTN 4

CTĐT															
PLO1	X	X				X						X			
PLO2	X					X					X	X			
PLO3	X								X			X			X
PLO4	X					X				X	X	X			
PLO5					X	X					X	X			
PLO6	X			X					X					X	
PLO7	X										X	X			
PLO8				X	X		X		X			X		X	X
PLO9			X			X						X			
PLO10				X	X	X	X		X	X		X		X	
PLO11	X					X				X		X			
PLO12	X					X	X							X	X
PLO13	X					X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

### 13. Đề cương chi tiết

